

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2024

V/v: “không công nhận quan hệ
vợ chồng”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Tươi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 261A/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2023 về việc “không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Mai Hữu T, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 22/9/2023 và biên bản hòa giải ngày 21/11/2023 cũng như lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Tôi và ông Mai Hữu T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào tháng 02 năm 2022 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân xuất phát do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, ông T không đồng ý về sống bên gia đình bà và bà cũng không thể sống cùng gia đình ông T. Lý do là bà là con duy nhất trong gia đình và khi gia đình nhà trai qua hỏi cưới đã biết và đồng ý ở rể khi qua hỏi cưới. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không thể hàn gắn và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Mai Hữu T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H1, nam, sinh ngày 01/3/2023. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Phía bị đơn ông Mai Hữu T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Thông nhất với bà H về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc không xác định được nơi chung sống vợ chồng. Ông T là con trai út trong nhà nên không thể ở rể nhà vợ và vợ là con gái một nên không ở nhà ông. Hơn nữa, quá trình sống chung bà H không tạo cho ông niềm tin gắn bó vợ chồng như không đăng ký kết hôn với ông, không xác lập tài chính chung và không tạo điều kiện để ông được quan tâm, chăm sóc vợ con. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H1, nam, sinh ngày 01/3/2023. Nếu bà H không đủ điều kiện nuôi con chung thì giao Nguyễn Thanh H1 cho ông nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu giao con cho bà H nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng theo quy định là 900.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: có 10 chỉ vàng 24K và 10 cgir vàng 18K loại 98%. Khi cha ông T bệnh phải chăm sóc ở bệnh viện thì bà H đem số vàng cưới về nhà vợ. Ông T không có chửi đánh vợ hay sai gì với bà H nên ông yêu cầu chia đôi số vàng cưới và yêu cầu bà H đưa lại cho ông 05 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K loại 98%.

Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Mai Hữu T và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Ngày 22/9/2023, bà H có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H với ông T. Ông Mai Hữu T đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Mai Hữu T và bà Nguyễn Thị Thu H đều thống nhất là cuộc sống chung của hai người phát sinh rất nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục và ông bà đã sống ly thân từ đầu tháng 7 năm 2022 đến nay, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Ông T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và ông cũng muốn xa lánh bà H nên đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với bà H. Do ông T và bà H tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, không công nhận ông T và bà H là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H1, nam, sinh ngày 01/3/2023. Bà H và ông H1 thống nhất giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông T đồng ý cấp dưỡng theo quy định là 900.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung: Ông T trình bày vợ chồng có 10 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K loại 98%. Khi cha ông T bị bệnh phải chăm sóc ở bệnh viện thì bà H đem số vàng cưới về nhà bà. Ông T yêu cầu bà H đưa lại cho ông 05 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K loại 98%. Bà H thừa nhận khi cưới nhau vợ chồng được cha mẹ cho 10 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K loại 98%. Tuy nhiên, đây là số vàng cha mẹ chồng bà cho bà và ông T bỏ con không nuôi. Từ lúc có bầu, sinh con và nuôi con đến nay có nhiều chi phí nên bà H bán hết số vàng cưới trên để lo cho con. Hiện tại số vàng cưới không còn nên không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy ông T thừa nhận từ lúc bà H có bầu, sinh con và nuôi con ông không hỗ trợ về kinh tế và ông T không chứng minh được hiện tại số vàng bà H còn giữ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Mai Hữu T.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Mai Hữu T và bà Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Thanh H1, nam, sinh ngày 01/3/2023 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Hữu T cấp dưỡng nuôi con 900.000 đ/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Mai Hữu T không ai được quyền ngăn cản.

- *Tài sản chung:* không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Mai Hữu T.

- *Nợ chung:* Không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0006005 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Ông Mai Hữu T phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- Lưu HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Tươi